

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27
PHỤ LỤC 1: THUYẾT MINH MỘT SỐ KHOẢN MỤC CHI PHÍ TRONG NĂM	28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2011)
Ông Phạm Linh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2011)
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Hoàng Mạnh Hải	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2011)
Ông Nguyễn Hữu Hằng	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Khắc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Khắc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 4 năm 2012

Số: 1327 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 5 đến trang 27. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Cuộc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành nhằm đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính theo luật định từ trang 5 đến trang 27 kèm theo. Các thông tin bổ sung được trình bày tại trang 28 không phải là một phần bắt buộc của báo cáo tài chính. Việc lập và trình bày các thông tin bổ sung này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Các thông tin bổ sung này không thuộc đối tượng của các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính theo luật định, và vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về những thông tin bổ sung này.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 4 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		5.673.112.366.549	4.944.061.486.185
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.178.261.959.849	1.370.774.920.006
1. Tiền	111		423.959.849	11.974.920.006
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.177.838.000.000	1.358.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.826.901.965.073	1.757.501.965.073
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.826.901.965.073	1.757.501.965.073
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		942.716.408.860	1.147.533.456.015
1. Phải thu khách hàng	131		895.099.760.932	1.127.997.764.695
2. Trả trước cho người bán	132		47.530.596.404	19.535.691.320
3. Các khoản phải thu khác	135		86.051.524	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	688.836.123.620	667.135.338.764
1. Hàng tồn kho	141		832.424.885.538	805.312.493.187
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(143.588.761.918)	(138.177.154.423)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.395.909.147	1.115.806.327
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		35.817.827.558	389.734.422
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		578.081.589	726.071.905
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		6.104.303.409.965	6.597.354.289.368
I. Tài sản cố định	220		3.111.582.590.957	3.656.430.438.611
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.776.934.531.536	3.435.543.893.402
- Nguyên giá	222		13.303.554.674.059	13.275.202.742.399
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.526.620.142.523)	(9.839.658.848.997)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	26.963.601.521	32.826.712.601
- Nguyên giá	228		57.622.081.586	57.622.081.586
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.658.480.065)	(24.795.368.985)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	307.684.457.900	188.059.832.608
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.689.372.100.050	2.612.836.579.900
1. Đầu tư và công ty con	251	11	27.476.250.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	1.193.455.770.150	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	1.512.995.079.900	2.652.902.579.900
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(44.555.000.000)	(40.066.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		303.348.718.958	328.087.270.857
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		11.553.779.432	1.748.042.725
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	291.794.939.526	326.339.228.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.777.415.776.514	11.541.415.775.553

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		8.831.918.578.768	7.813.668.820.569
I. Nợ ngắn hạn	310		1.153.958.153.209	902.111.138.786
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	495.304.569.014	418.825.354.748
2. Phải trả người bán	312		243.645.966.474	167.864.031.462
3. Người mua trả tiền trước	313		535.297.250	27.713.165
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	7.277.463.730	32.833.331.684
5. Phải trả người lao động	315		26.431.063.631	27.848.049.741
6. Chi phí phải trả	316	17	372.371.064.061	229.462.618.208
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6.576.472.029	6.567.329.693
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.816.257.020	18.682.710.085
II. Nợ dài hạn	330		7.677.960.425.559	6.911.557.681.783
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	7.677.220.819.945	6.910.618.353.531
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		739.605.614	939.328.252
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		2.945.497.197.746	3.727.746.954.984
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	2.945.497.197.746	3.727.746.954.984
1. Vốn điều lệ	411		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		149.746.010.040	108.544.202.558
3. Cổ phiếu quỹ	414		(125.602.728.849)	(90.866.726.821)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(717.705.848.290)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		268.720.716.781	309.922.524.263
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		82.500.000.000	82.500.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.489.048.064	55.296.954.984
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		11.777.415.776.514	11.541.415.775.553

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2011	31/12/2010
1. Hàng hóa nhận giữ hộ	-	14.926.837.186
2. Nguồn vốn khấu hao	2.574.749.239.501	2.006.177.640.906
3. Vật tư thu hồi	145.672.718	253.039.789
4. Nợ khó đòi đã xử lý	107.261.329	107.261.329



Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Sơn

Ngày 06 tháng 4 năm 2012

Kế toán trưởng

Lê Thế Sơn

Người lập

Nguyễn Quang Huy

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	3.722.867.236.745	4.183.076.709.876
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.722.867.236.745	4.183.076.709.876
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	3.262.171.164.003	3.468.930.572.509
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		460.696.072.742	714.146.137.367
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	459.833.239.656	409.708.367.074
6. Chi phí tài chính	22	23	842.378.360.409	1.052.681.519.259
- Bao gồm: Chi phí lãi vay			232.659.740.923	203.183.084.743
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		79.990.753.964	64.991.417.004
8. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.839.801.975)	6.181.568.178
9. Thu nhập khác	31		9.618.201.944	5.575.430.100
10. Chi phí khác	32		7.778.399.969	5.719.249.661
11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác	40		1.839.801.975	(143.819.561)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	6.037.748.617
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	6.997.962.592
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(5.086.173.015)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-	4.125.959.040
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	-	13



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Nguyễn Khắc Sơn

Lê Thế Sơn

Nguyễn Quang Huy

Ngày 06 tháng 4 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	-	6.037.748.617
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	694.662.966.422	810.930.509.441
- Các khoản dự phòng	03	9.900.607.495	22.622.692.059
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	544.201.187.100	808.100.656.224
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(459.456.152.906)	(409.724.920.519)
- Chi phí lãi vay	06	232.659.740.923	203.183.084.743
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	1.021.968.349.034	1.441.149.770.565
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	229.141.573.080	(269.272.834.050)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(27.112.392.351)	(85.659.629.410)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	163.964.256.090	74.606.159.600
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(9.805.736.707)	(617.111.389)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(199.853.084.743)	(199.853.084.743)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	69.571.000	96.308.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(16.800.842.914)	(11.025.493.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.161.571.692.489	949.424.084.773
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(150.145.298.634)	(180.211.652.418)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.505.211.099	329.080.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.432.338.000.000)	(6.414.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.742.961.750.000	6.862.298.034.927
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(461.048.270.150)	(745.195.117.400)
6. Tiền thu lãi cho vay	27	398.541.311.777	401.870.052.822
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(900.523.295.908)	(75.709.602.069)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(34.736.002.028)	(25.862.427.241)
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(418.825.354.710)	(372.648.174.393)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(487.731.921.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(453.561.356.738)	(886.242.522.634)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(192.512.960.157)	(12.528.039.930)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.370.774.920.006	1.383.302.959.936
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.178.261.959.849	1.370.774.920.006



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Nguyễn Khắc Sơn

Lê Thế Sơn

Nguyễn Quang Huy

Ngày 06 tháng 4 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 05 năm 2007, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính đặt tại thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.470 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.438).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 26.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong năm cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải	10 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong năm khi phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" đồng thời với khoản mục "Chi phí phải trả" trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty có quyền kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu ngắn hạn và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng 717.705.848.290 VND (năm 2010: 0 VND) và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS 10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế tại các văn bản bao gồm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công văn số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005 về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho tổ chức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 1591/TCT/DNN của Tổng cục Thuế ngày 04 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2008, thu nhập từ hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động nêu trên chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Quy định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	70.756.105	40.305.040
Tiền gửi ngân hàng	353.203.744	11.934.614.966
Các khoản tương đương tiền (i)	1.177.838.000.000	1.358.800.000.000
	1.178.261.959.849	1.370.774.920.006

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIThị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	55.000.000.000	300.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii)	2.771.901.965.073	1.457.501.965.073
	2.826.901.965.073	1.757.501.965.073

(i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm. Các khoản này được tính theo lãi suất cố định.

(ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác bao gồm khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFMC), ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), ủy thác quản lý đầu tư tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVN Finance) và khoản tiền Tập đoàn Điện lực Việt Nam huy động vốn từ Công ty.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	826.400.327.901	787.457.741.072
Công cụ, dụng cụ	5.821.728.079	17.718.645.467
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.000.000	2.000.000
Thành phẩm	196.829.558	134.106.648
	832.424.885.538	805.312.493.187
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(143.588.761.918)	(138.177.154.423)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	688.836.123.620	667.135.338.764

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỊT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	Đơn vị: VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2011	1.705.542.338.799	11.479.338.263.417	51.176.208.274	36.123.343.935	3.022.587.974	13.275.202.742.399	
Tăng trong năm	7.449.635.011	5.833.920.023	14.455.624.809	2.750.584.409	30.909.090	30.520.673.342	
- Mua sắm mới	3.211.128.818	3.211.128.818	1.021.200.000	2.399.723.052	30.909.090	6.662.960.960	
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	7.449.635.011	2.622.791.205	13.434.424.809	350.861.357	-	23.857.712.382	
Giảm trong năm	341.367.652	368.426.719	1.370.100.286	88.847.025	-	2.168.741.682	
Tại ngày 31/12/2011	1.712.650.606.158	11.484.803.756.721	64.261.732.797	38.785.081.319	3.053.497.064	13.303.554.674.059	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2011	1.151.040.444.450	8.622.867.286.891	34.702.457.432	29.886.782.953	1.161.877.271	9.839.658.848.997	
Tăng trong năm	57.185.484.629	624.494.764.721	3.441.934.647	3.435.485.280	377.367.216	688.935.036.493	
- Trích khấu hao	57.058.107.353	624.494.030.850	3.441.934.647	3.435.485.280	370.297.212	688.799.855.342	
- Tính hao mòn	127.377.276	733.871	-	-	7.070.004	135.181.151	
Giảm trong năm	341.367.652	368.426.719	1.176.177.431	87.771.165	-	1.973.742.967	
Tại ngày 31/12/2011	1.207.884.561.427	9.246.993.624.893	36.968.214.648	33.234.497.068	1.539.244.487	10.526.620.142.523	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 31/12/2011	504.766.044.731	2.237.810.131.828	27.293.518.149	5.550.584.251	1.514.252.577	2.776.934.531.536	
Tại ngày 31/12/2010	554.501.894.349	2.856.470.976.526	16.473.750.842	6.236.560.982	1.860.710.703	3.435.543.893.402	

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá trị là 4.549.403.236.203 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4.305.129.207.050 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIThị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	57.274.433.766	347.647.820	57.622.081.586
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	57.274.433.766	347.647.820	57.622.081.586
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	24.722.255.314	73.113.671	24.795.368.985
Khấu hao trong năm	5.747.228.472	115.882.608	5.863.111.080
Tại ngày 31/12/2011	30.469.483.786	188.996.279	30.658.480.065
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	26.804.949.980	158.651.541	26.963.601.521
Tại ngày 31/12/2010	32.552.178.452	274.534.149	32.826.712.601

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	307.068.401.622	172.405.921.157
Xây dựng cơ bản khác	616.056.278	15.653.911.451
	<u>307.684.457.900</u>	<u>188.059.832.608</u>

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	27.476.250.000	-

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
		<u>%</u>	<u>%</u>	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	Hải Dương	50	60	Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIThị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.193.455.770.150	-

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	21,49	21,49	Sản xuất điện

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay (i)	350.000.000.000	350.000.000.000
Đầu tư trái phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	118.151.962.500	118.151.962.500
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iii)	817.295.117.400	817.295.117.400
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii)	70.800.000.000	70.800.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (iii)	60.000.000.000	-
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (iii)	50.250.000.000	-
Đầu tư chứng khoán khác (iv)	46.498.000.000	46.498.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	842.657.500.000
Các khoản ủy thác đầu tư tài chính	-	200.000.000.000
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực</i>	-	200.000.000.000
Đầu tư vào trái phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	-	100.000.000.000
Đầu tư vào trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	-	100.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	-	7.500.000.000
	1.512.995.079.900	2.652.902.579.900
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(44.555.000.000)	(40.066.000.000)
	1.468.440.079.900	2.612.836.579.900

- (i) **Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay:** Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được thực hiện bù trừ khoản phải thu từ Công ty với Công ty mua bán điện.
- (ii) **Đầu tư trái phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam:** Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với số tiền là 117.975.000.000 VND với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.
- (iii) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 6% và 19,30%. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn góp vốn.
- (iv) **Đầu tư chứng khoán khác:** là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIThị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2010	291.794.939.526	29.458.115.591	321.253.055.117
Tăng lợi nhuận trong năm	-	5.086.173.015	5.086.173.015
Tại ngày 01/01/2011	291.794.939.526	34.544.288.606	326.339.228.132
Điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	-	(34.544.288.606)	(34.544.288.606)
Tại ngày 31/12/2011	291.794.939.526	-	291.794.939.526

(*) Theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 của Kiểm toán Nhà nước, phần tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần được hoàn nhập trong năm. Theo đó, Công ty đã tiến hành điều chỉnh phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại nói trên trong năm 2011.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	495.304.569.014	418.825.354.748
	495.304.569.014	418.825.354.748

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.921.957.682
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	27.778.974.002
Thuế thu nhập cá nhân	66.170.400	-
Các loại thuế khác	7.211.293.330	132.400.000
	7.277.463.730	32.833.331.684

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIThị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Lãi vay phải trả	62.520.000.000	56.070.000.000
Sửa chữa lớn chưa quyết toán	307.068.401.622	172.405.921.157
Các khoản khác	2.782.662.439	986.697.051
	372.371.064.061	229.462.618.208

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011		31/12/2010	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	30.636.247.522	8.172.525.388.959	32.492.989.796	7.329.443.708.279
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(495.304.569.014)	(1.856.742.274)	(418.825.354.748)
Số dư vay dài hạn	28.779.505.248	7.677.220.819.945	30.636.247.522	6.910.618.353.531

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 03 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 03 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43% năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Trong vòng một năm	1.856.742.274	495.304.569.014	1.856.742.274	418.825.354.748
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	495.304.569.014	1.856.742.274	418.825.354.748
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	1.485.913.707.037	5.570.226.822	1.256.476.064.245
Sau năm năm	21.352.536.152	5.696.002.543.894	23.209.278.426	5.235.316.934.538
	30.636.247.522	8.172.525.388.959	32.492.989.796	7.329.443.708.279
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(495.304.569.014)	(1.856.742.274)	(418.825.354.748)
Số phải trả dài hạn	28.779.505.248	7.677.220.819.945	30.636.247.522	6.910.618.353.531

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỆT ĐIỆN PHÁ LẠI

Thị trấn Phá Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	3.262.350.000.000	-	(65.004.299.580)	-	309.600.000.000	52.500.000.000	706.269.643.765
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	4.125.959.040
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(25.862.427.241)	-	-	-	-
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	18.000.000.000	30.000.000.000	(76.500.000.000)
Chuyển vốn mua lại cổ phiếu quỹ	-	90.866.726.821	-	-	-	-	(90.866.726.821)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	(487.731.921.000)
Chuyển các quỹ trong năm	-	17.677.475.737	-	-	(17.677.475.737)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2011	3.262.350.000.000	108.544.202.558	(90.866.726.821)	-	309.922.524.263	82.500.000.000	55.296.954.984
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(34.736.002.028)	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	-	(717.705.848.290)	-	-	-
Chuyển các quỹ trong năm	-	41.201.807.482	-	-	(41.201.807.482)	-	-
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-	(29.807.906.920)
Số dư tại ngày 31/12/2011	3.262.350.000.000	149.746.010.040	(125.602.728.849)	(717.705.848.290)	268.720.716.781	82.500.000.000	25.489.048.064

(*) Điều chỉnh khác là phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2006 đến năm 2009 được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 của Kiểm toán Nhà nước.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 05 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty đã các cổ đông được góp đủ như sau:

Vốn đã góp			
31/12/2011	31/12/2010		
VND	VND		
(%)	(%)		
1.663.918.960.000	1.663.918.960.000	51,00	51,00
392.380.600.000	-	12,03	-
1.206.050.440.000	1.598.431.040.000	36,97	49,00
3.262.350.000.000	3.262.350.000.000	100,00	100,00

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
Cổ đông khác

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIThị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2011	2010
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện	3.712.504.992.434	4.177.014.209.884
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.710.025.532.005	4.175.318.391.986
Điện tự dùng	2.479.460.429	1.695.817.898
Hoạt động khác	10.362.244.311	6.062.499.992
Doanh thu hoạt động khác	10.362.244.311	6.062.499.992
	3.722.867.236.745	4.183.076.709.876

Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam thông qua Công ty mua bán điện (EPTC) chưa bao gồm doanh thu của sản lượng điện chênh lệch giữa sản lượng điện bán thực tế năm 2011 với sản lượng điện bán bình quân/năm theo hợp đồng mua bán điện đã ký giữa Công ty với EPTC. Giá trị doanh thu của phần sản lượng chênh lệch này Công ty và EPTC vẫn đang trong quá trình thương thảo, thống nhất với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2011	2010
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện	3.261.004.242.349	3.468.286.177.026
Chi phí than, dầu	1.855.165.766.718	2.192.784.770.124
Chi phí khấu hao	692.816.634.654	790.399.326.834
Chi phí sửa chữa lớn	375.380.749.423	156.974.822.102
Chi phí sửa chữa thường xuyên	132.686.919.932	66.271.665.094
Chi phí lương và bảo hiểm xã hội	185.697.079.379	141.957.337.000
Chi phí phụ liệu	18.092.769.482	21.114.230.787
Chi phí khác	1.164.322.761	98.784.025.085
Hoạt động khác	1.166.921.654	644.395.483
	3.262.171.164.003	3.468.930.572.509

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	348.638.638.455	292.596.228.651
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	111.012.513.166	116.533.017.792
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	182.088.035	579.120.631
	459.833.239.656	409.708.367.074

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIThị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền vay dài hạn	232.659.740.923	203.183.084.743
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	604.984.669.991	836.738.018.129
Chi phí dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.489.000.000	2.278.000.000
Chi phí tài chính khác	244.949.495	10.482.416.387
	842.378.360.409	1.052.681.519.259

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011 VND	2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm		
Lợi nhuận trước thuế	-	6.037.748.617
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	22.104.101.753
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		22.104.101.753
Thu nhập chịu thuế	-	28.141.850.370
<i>trong đó:</i>		
Thu nhập từ hoạt động chính	-	(166.732.738.379)
Thu nhập từ hoạt động khác	-	194.874.588.749
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	0%	0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	7,5%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.997.962.592

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	4.125.959.040
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	318.154.614	325.152.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	13

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIThị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công cụ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.178.261.959.849	1.370.774.920.006
Phải thu khách hàng và phải thu khác	895.185.812.456	1.127.997.764.695
Đầu tư ngắn hạn	2.826.901.965.073	1.757.501.965.073
Đầu tư dài hạn khác	1.468.440.079.900	2.612.836.579.900
Tổng cộng	6.368.789.817.278	6.869.111.229.674
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	8.172.525.388.959	7.329.443.708.279
Phải trả người bán và phải trả khác	250.222.438.503	174.431.361.155
Chi phí phải trả	64.686.606.161	41.402.785.600
Tổng cộng	8.487.434.433.623	7.545.277.855.034

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi số của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Yên Nhật Bản (JPY)	8.172.525.388.702	7.329.443.708.058	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất (Tiếp theo)*

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 27.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	495.304.569.014	7.677.220.819.945	8.172.525.388.959
Phải trả người bán và phải trả khác	250.222.438.503	-	250.222.438.503
Chi phí phải trả	64.686.606.161	-	64.686.606.161
	810.213.613.678	7.677.220.819.945	8.487.434.433.623
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	418.825.354.748	6.910.618.353.531	7.329.443.708.279
Phải trả người bán và phải trả khác	174.431.361.155	-	174.431.361.155
Chi phí phải trả	41.402.785.600	-	41.402.785.600
	634.659.501.503	6.910.618.353.531	7.545.277.855.034

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIThị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.178.261.959.849	-	1.178.261.959.849
Phải thu khách hàng và phải thu khác	895.185.812.456	-	895.185.812.456
Đầu tư ngắn hạn	2.826.901.965.073	-	2.826.901.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	1.468.440.079.900	1.468.440.079.900
	4.900.349.737.378	1.468.440.079.900	6.368.789.817.278

31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.370.774.920.006	-	1.370.774.920.006
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.127.997.764.695	-	1.127.997.764.695
Đầu tư ngắn hạn	1.757.501.965.073	-	1.757.501.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	2.612.836.579.900	2.612.836.579.900
	4.256.274.649.774	2.612.836.579.900	6.869.111.229.674

27. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2011	2010
	VND	VND
Doanh thu		
Bán điện cho Công ty mua bán điện	3.710.025.532.005	4.175.318.391.986
Trả gốc vay và lãi vay		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	418.825.354.710	372.648.174.393
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	232.659.740.923	203.183.084.743
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc cung cấp	142.780.658.835	91.986.730.213
Lãi đầu tư, cho vay		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	57.810.416.667	81.111.111.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	8.172.525.388.959	7.329.443.708.279
Phải thu Công ty mua bán điện	889.791.364.586	1.021.621.404.157
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng	1.193.455.770.150	842.657.500.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	817.295.117.400
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa Chữa Nhiệt điện miền Bắc	27.476.250.000	7.500.000.000
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	2.350.000.000.000	1.350.000.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa Chữa Nhiệt điện Miền Bắc	62.720.231.264	37.752.183.325

Thu nhập của Ban Giám đốc:

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Thu nhập Ban Giám đốc	1.912.772.577	885.187.198

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.



Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Sơn

Ngày 06 tháng 4 năm 2012

Kế toán trưởng

Lê Thế Sơn

Người lập

Nguyễn Quang Huy

PHỤ LỤC 1: THUYẾT MINH MỘT SỐ KHOẢN MỤC CHI PHÍ TRONG NĂM

Đơn vị: VND

	<u>2011</u>
1. Nhiên liệu	1.855.165.766.718
2. Vật liệu	71.699.583.597
3. Lương và bảo hiểm xã hội	185.697.079.379
- Lương cán bộ, công nhân viên	172.708.129.000
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	12.988.950.379
4. Khấu hao tài sản cố định	692.816.634.654
5. Các khoản dịch vụ mua ngoài	7.030.399.297
- Điện dùng nội bộ	1.029.321.149
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	6.001.078.148
6. Chi phí sửa chữa lớn	375.380.749.423
- Sửa chữa lớn thuê ngoài	375.380.749.423
- Sửa chữa lớn tự làm	-
7. Chi phí phát triển khách hàng	-
8. Chi phí bằng tiền khác	153.204.783.245
- Thuế tài nguyên	6.823.556.450
- Thuế đất	3.520.584.000
- Ăn ca	10.218.950.000
- Chi phí bằng tiền khác	132.641.692.795
Cộng	3.340.994.996.313
9. Chi phí lãi vay	232.659.740.923
10. Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện năm 2011	1.322.269.726.757
+ Chênh lệch tỷ giá năm 2011	604.563.878.467
+ Chênh lệch tỷ giá chờ phân bổ	717.705.848.290
Tổng cộng	4.895.924.463.993



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Nguyễn Khắc Sơn

Lê Thế Sơn

Nguyễn Quang Huy

Ngày 06 tháng 4 năm 2012

Ghi chú:

Phụ lục kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam phục vụ mục đích bổ sung thông tin. Xem Báo cáo Kiểm toán tại trang 2.